

Số: /BC-UBND

Ia H'Drai, ngày tháng năm

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 về ban hành Quy trình, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ; số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 về Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 416/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về ban hành quy định mức đạt chuẩn Bộ tiêu chí về bộ Tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 và phân công các đơn vị phụ trách; số 226/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung quy định mức đạt chuẩn một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và phân công đơn vị phụ trách tiêu chí nông thôn mới;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Dom, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm đối với xã Ia Dom, cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 21/11/2024 đến ngày 04/12/2024):

**1. Về hồ sơ:** Thành phần hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã gửi đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể gồm:

(1) Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Dom về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Ia Dom đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

(2) Biên bản cuộc họp ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Dom đề nghị xét, công nhận xã Ia Dom đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

(3) Báo cáo số 588/BC-UBND, ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Dom về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

(4) Báo cáo số 683/BC-UBND, ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Dom về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2024 của xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

(5) Báo cáo số 599/BC-UBND, ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Dom về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Dom.

(6) Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của xã Ia Dom.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao**

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao<sup>(1)</sup>; chỉ đạo thực hiện phát động phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; thường xuyên đưa nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới vào sinh hoạt; phân công cán bộ, đảng viên phụ trách để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện; phối hợp với các Hội đoàn thể xã, các ban thôn tổ chức các cuộc họp ở thôn, sinh hoạt các đoàn thể để triển khai, tuyên truyền, vận động; thông qua các buổi hội nghị, họp Thôn, Tổ, sinh hoạt Chi bộ và sinh hoạt của các hội đoàn thể để tuyên truyền và lồng ghép phổ biến, vận động cán bộ đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã biết và hưởng ứng tham gia; phát thông tin trên đài truyền thanh của xã 3 lần/ngày; lắp đặt panô tuyên truyền nội dung thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới ở các thôn (5 bảng/5 thôn), 01 bảng tại xã. Công tác tuyên truyền đã làm rõ trách nhiệm thực hiện xây dựng nông thôn mới của cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân, đã nâng

---

<sup>(1)</sup> Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 2/2/2024 về việc thành lập tổ thẩm định các công trình thuộc các CTMTQG năm 2024; Kế hoạch số 112/KH-UBND, ngày 21/3/2024 về triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã Ia Dom năm 2024; Thông báo số 17/TB-UBND ngày 27/3/2024 về việc phân công nhiệm vụ các công chức xã thực hiện các công trình, dự án thuộc các CTMTQG xã Ia Dom năm 2024; Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 24/4/2024 về truyền thông, tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ia Dom năm 2024; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 10/5/2024 kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn xã Ia Dom; Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập đoàn đánh giá thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn xã Ia Dom (gọi tắt Đoàn đánh giá); Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc đánh giá thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn xã Ia Dom.

cao được ý thức trách nhiệm và đóng góp xây dựng của người dân tham gia thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, điển hình là công tác làm đường giao thông nông thôn, công tác vệ sinh môi trường, xây dựng nhà văn hóa thôn...

Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã ban hành Nghị quyết giao các chỉ tiêu phát triển sản xuất, vận động nhân dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác. Trên cơ sở các nguồn vốn được giao, kế hoạch phát triển sản xuất, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức tuyên truyền vận động và lên kế hoạch hỗ trợ cho nhân dân để chăm lo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống. Ủy ban nhân dân xã thường xuyên khảo sát nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn; phối hợp với Phòng Lao động thương binh-Xã hội huyện tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Ủy ban nhân dân xã đã có nhiều giải pháp ưu tiên nhằm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hoạt động khuyến công để góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, góp phần ổn định kinh tế xã hội của địa phương.

Hàng năm UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và tổ chức triển khai chỉ đạo thực hiện đến từng thôn, chăm lo phát triển kinh tế, chỉ đạo làm tốt công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh nhằm đem lại hiệu quả sản xuất trên từng loại cây trồng vật nuôi, nên thu nhập của đa số hộ gia đình đều đạt hiệu quả cao, thu nhập bình quân đầu người tăng lên hàng năm (thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã hiện nay đạt 61,75 triệu đồng/người/năm); thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn xã, đến nay tỷ lệ hộ nghèo xét đạt chuẩn nông thôn mới của xã là 4,9%.

**3. Kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:** Xã Ia Dom được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công nhận xã Ia Dom, huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2021 theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

#### **4. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

##### **4.1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch**

###### **a. Yêu cầu tiêu chí**

Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch: Đạt.

Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch: Đạt.

Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên: Đạt.

###### **b. Kết quả thực hiện**

Quy hoạch chung nông thôn mới của xã Ia Dom đã được phê duyệt Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND huyện Ia H'Drai về việc Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum và được điều chỉnh theo Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng được ban hành Kèm theo Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Ia H'Drai. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch và quy chế đã được ban hành.

Trên địa bàn xã Ia Dom có 05 điểm quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn (01, 47, 48, 49, 55) và 01 điểm quy hoạch mở rộng tại trung tâm xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt vẫn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

##### a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 50%.

Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm: 100%; có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 50%

Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp:  $\geq 85\%$ .

Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 80%.

##### b. Kết quả thực hiện

Địa bàn xã nằm trên tuyến Quốc lộ 14C có chiều dài 24,6 km; hằng năm được sở giao thông vận tải quản lý và duy tu bảo dưỡng và được bố trí hệ thống biển báo giao thông, gờ giảm tốc tại các vị trí cần thiết; hệ thống điện chiếu sáng được lắp tại khu đông dân cư, đạt tỷ lệ 61%; cây xanh được trồng dọc hai bên tuyến đường khoảng cách 20m/cây, đạt tỷ lệ 65%. Trên toàn địa bàn xã có 32,8 km/32,8 km đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt tỷ lệ 100% (đảm bảo các hạng mục cần thiết).

Địa bàn xã có 8,0 km/8,0 km đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đạt 100% và đảm bảo các hạng mục cần thiết.

Địa bàn xã có 9.3km/9,3 km đường ngõ xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ 100% và có hệ thống đèn chiếu sáng đạt tỷ lệ 86,8% và có cây xanh bóng mát đạt tỷ lệ 87,9% (đảm bảo khoảng cách tối thiểu 20m). Trong năm 2024, xã đã tổ chức trồng 1.653 cây bằng lăng, cây sao đen, xà cừ dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, 57,5km/60,8km, đạt tỷ lệ 94,57%, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

### 4.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ( Đạt tỷ lệ  $\geq 90\%$ ).

Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ( Đạt tỷ lệ 20% ).

Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Khá.

b. Kết quả thực hiện:

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 361/381 ha, đạt tỷ lệ 94,8%; Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu nước chủ động là 6.396,83/6.396,3 ha, đạt tỷ lệ 100%.

Trên địa bàn xã có công trình thủy lợi phục vụ cấp nước sinh hoạt khu vực tại Thôn 1. Hiện nay công trình chủ yếu tích trữ nước, chưa được đầu tư hệ thống cấp thoát nước, không có tổ chức thủy lợi cơ sở, công tác quản lý do Ủy ban nhân dân xã thực hiện.

Diện tích cây trồng chủ lực trên địa bàn xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước khoảng 255 ha<sup>(2)</sup> đạt 44,44%.

Công trình thủy lợi trên địa bàn xã có chức năng tích trữ nước, điều hòa nguồn nước ngầm; hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng chưa được đầu tư xây dựng. Hệ thống kênh mương tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu được người dân tự đào, nạo vét và bảo trì hàng năm. Quanh khu vực công trình thủy lợi chủ yếu là cao su của Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy; không có các nhà máy, khu dân cư, khu chăn nuôi sản xuất nằm trong khu vực xả thải vào công trình.

Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai-Tìm kiếm cứu nạn xã, hàng năm được tổ chức kiện toàn. Hàng năm, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã đều ban hành các

---

<sup>(2)</sup> Gồm 60 ha chuổi già Nam Mỹ và 190 ha sầu riêng của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Duy Tân được đầu tư hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Phương án, Kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn đảm bảo theo phương châm 4 tại chỗ đạt loại khá.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.4. Tiêu chí số 04 về Điện

a. Yêu cầu tiêu chí: Hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (Đạt tỷ lệ 98%).

b. Kết quả thực hiện

Có 05/05 thôn trên địa bàn xã đảm bảo hệ thống điện chiếu sáng; Hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Trên địa bàn xã có 673/673 hộ sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định, đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.5. Tiêu chí số 05 về Giáo dục

a. Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, Tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3.

Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá.

Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền, có ít nhất một mô hình.

b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã có Trường Mầm non Tuổi Ngọc đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và Trường TH- THCS Nguyễn Du đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

Chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn xã được duy trì và nâng cao.

Địa bàn đạt chuẩn và duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3.

Năm 2024, xã thực hiện công tác xóa mù chữ đạt mức 2 theo quy định.

Cộng đồng học tập cấp xã được xếp loại khá theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2023 của UBND huyện Ia H'Drai.

Trường TH- THCS Nguyễn Du thành lập câu lạc bộ bóng đá nam, nữ học sinh năm 2024-2025 ngày 14 tháng 10 năm 2024; Trường Mầm non Tuổi Ngọc thành lập Câu lạc bộ erobic tại trường.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.6. Tiêu chí số 6 Văn hóa

##### a. Yêu cầu tiêu chí

Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%.

##### b. Kết quả thực hiện:

Xã có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên, cụ thể: Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được duy tu, bảo dưỡng, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao của cộng đồng dân cư. Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trên địa bàn xã lắp đặt dụng cụ thể thao công cộng tại 5/5 thôn cụ thể các dụng cụ phục vụ tập thể dục, thể thao môn bóng chày và các dụng cụ khác.

Di sản văn hóa được kiểm kê và phát huy giá trị đúng quy định.

100% thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 và đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

##### a. Yêu cầu tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm

##### b. Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn xã hiện nay chưa đầu tư xây dựng chợ. Các cơ sở thương mại dịch vụ trên địa bàn đáp ứng được nhu cầu mua sắm của người dân.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

##### a. Yêu cầu tiêu chí:

Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: Đạt chuẩn theo quy định.

Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 80%.

Có dịch vụ báo chí truyền thông.

Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

Có ít nhất 01 địa điểm có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

#### b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã có 01 điểm phục vụ bưu chính, có cơ sở vật chất đảm bảo, có trang thiết bị phù hợp và đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn, có bảng niêm yết giờ mở cửa phục vụ.

Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn xã đạt 80%.

Có 01 đài phát thanh xã gồm 17 cum loa ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông hoạt động tốt, có quy chế hoạt động đài truyền thanh xã. Tỷ lệ hộ gia đình được xem truyền hình trên 98%, xem qua truyền hình vệ tinh, truyền hình cáp, truyền hình qua Internet.

Xã triển khai thực hiện tốt việc cứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành (phần mềm điện tử Ioffice tại xã) góp phần giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, khả năng bảo mật cao, giúp cán bộ, công chức sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi.

Trên địa bàn xã có các điểm truy cập WIFI miễn phí tại Nhà Văn hoá cộng đồng xã và Nhà văn hoá thôn 1.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu tiêu chí: Có ít nhất 85% hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.

b. Kết quả thực hiện: Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các các bộ phận chuyên môn phối hợp với UBNDTTQVN và các tổ chức - chính trị xã tiến hành rà soát, thống kê những hộ có nhà tạm, nhà dột nát để có kế hoạch tuyên truyền, vận động các hộ gia đình đầu tư xây mới, chỉnh trang tu sửa nhà ở, đồng thời hỗ trợ đầu tư để xóa nhà tạm. Đến nay, trên địa bàn xã số nhà ở kiên cố và bán kiên cố đảm bảo “03 cứng” là 595/673 hộ, đạt tỷ lệ 88,41%.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a. Yêu cầu tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) năm 2024  $\geq$  60 triệu đồng.



b. Kết quả thực hiện:

Ngay từ đầu năm xã đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là phải phát triển kinh tế, giúp người dân nâng cao thu nhập, từ đó tạo động lực cho bà con và chính quyền địa phương chung sức đồng lòng thực hiện các tiêu chí khác. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xã đã chỉ đạo các ngành đoàn thể xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho nhân dân phát triển sản xuất, nhằm nâng cao thu nhập cho người dân nâng cao năng suất, thực hiện có hiệu quả các giải pháp giảm nghèo bền vững; từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ sản xuất...

Ủy ban nhân dân xã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đưa những loại cây, con giống có giá trị kinh tế cao vào sản xuất để tăng thu nhập; phối hợp với các phòng ban chuyên môn của huyện mở các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, triển khai, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư, hỗ trợ các hạng mục sản xuất; tiếp tục thực hiện và nhân rộng các mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ (theo Chương trình đột phá); phối hợp với các hội, đoàn thể xã tạo điều kiện cho các hộ vay vốn hỗ trợ sản xuất từ Ngân hàng chính sách xã hội, để đầu tư sản xuất tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế tăng thu nhập.

Đến nay thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 61,75 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 là dưới 5%. Đạt theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b. Kết quả thực hiện:

Ban Chỉ đạo giảm nghèo xã tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cùng chung tay góp phần hoàn thành tiêu chí hộ nghèo trong xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, xã tiếp tục chỉ đạo, thực hiện tốt các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo, giúp hộ nghèo phát triển sản xuất, thông qua các chính sách hỗ trợ vốn vay trên các lĩnh vực: giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, dạy nghề, giải quyết việc làm; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhân rộng các mô hình chăn nuôi, đào tạo nghề, chuyển giao áp dụng khoa học kỹ thuật cho người dân. Những hoạt động này đã giúp hộ nghèo thay đổi nhận thức, vươn lên thoát nghèo bền vững. chỉ đạo các đoàn thể hướng dẫn người dân làm thủ tục vay vốn, nỗ lực khai thác các nguồn vốn, làm dịch vụ ủy thác, tín chấp với ngân hàng giúp các hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận được nguồn vốn nhanh nhất. Trong những năm qua, Đảng ủy, Ban chỉ đạo xã đã chỉ đạo triển khai lồng ghép, các chương trình và vận động nhân dân phát triển kinh tế gia đình, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể.

Trên cơ sở kế hoạch thoát nghèo hàng năm, xã đã tập trung chỉ đạo các ngành chức năng định hướng, hướng dẫn nhân dân áp dụng khoa học, kỹ thuật, giống mới vào sản xuất; tạo điều kiện thuận lợi để cho nhân dân vay vốn để phát triển sản xuất.

Cuối năm 2024, tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo xét đạt chuẩn nông thôn mới<sup>(3)</sup> là 42 hộ, chiếm tỷ lệ 4,9% so với tổng số hộ dân toàn xã.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt tỷ lệ 80%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt tỷ lệ  $\geq 25\%$ .

b. Kết quả thực hiện

Ủy ban nhân dân xã triển khai phân loại từng đối tượng, thu thập, lưu trữ và tổng hợp thông tin thị trường lao động hàng năm trên địa bàn xã. Danh sách phân loại từng đối tượng, biên bản thẩm định của phòng LĐTBXH huyện. Để nâng cao tiêu chí tiếp tục thực hiện việc tuyên truyền nhân dân tham gia các lớp đào nghề được mở trên địa bàn, vận con em sau khi tốt nghiệp THCS và PTTH không còn khả năng tham gia học chuyên nghiệp thì tham gia các lớp đào tạo nghề nông thôn trong và ngoài tỉnh.

Đến nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn xã đạt 92,05% (1.412 người/1.534 người); tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 29,86%: (458 người/1.534 người).

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a. Yêu cầu tiêu chí

Có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn theo quy định.

Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

Sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.

---

<sup>(3)</sup> Theo quy định tại Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội theo quy định.

Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

#### b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã có Hợp tác xã Nông nghiệp Đồng Tiến hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Có 06 sản phẩm OCOP từ nhung hươu được xếp hạng đạt chuẩn 03 sao cấp huyện năm 2024 còn thời hạn được phê duyệt tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND huyện Ia H'Drai.

Xã có 01 mô hình trồng chuỗi già Nam Mỹ tại Thôn 4 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Duy tân ứng dụng công nghệ cao, mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm về sản phẩm chuỗi Nam mỹ xuất khẩu nước ngoài.

Xã có 06 sản phẩm chủ lực từ nhung hươu của Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Tiến có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc.

Các sản phẩm từ nhung hươu của (HTX Nông nghiệp Đồng Tiến) hiện nay đã có mặt trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử (trang mạng xã hội: zalo, Facebook) đạt trên 30%.

Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã (Chuỗi Nam Mỹ) được cấp mã vùng trồng năm 2022 (03 vùng trồng/56,3 ha).

Xã có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch thác 7 tầng của xã trên trang thông tin điện tử của xã Ia Dom.

Hiện nay mô hình nuôi hươu lấy nhung của Hợp tác xã Nông nghiệp Đồng Tiến đã phát huy hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường). Mô hình chăn nuôi hươu và chế biến các sản phẩm từ nhung hươu đang góp phần đáng kể vào việc phát huy nội lực, khơi dậy tiềm năng lao động, đất đai, góp phần sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế

##### a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$

Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe.

Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.

## b. Kết quả thực hiện

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế và kịp thời làm thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người dân; kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan. Đến nay, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định.

Xã đã triển khai các hoạt động quản lý sức khỏe có liên quan; thống kê, đánh giá tỷ lệ trên nhóm đối tượng để nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng.

Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa như ban hành Kế hoạch tập huấn triển khai nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa (Nền tảng Vtelehealth); Kế hoạch triển khai “nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa” năm 2024 (Thí điểm Trạm Y tế xã Ia Dom); Nhân viên y tế tham gia hoạt động tư vấn, KCB từ xa được tập huấn về sử dụng phần mềm Vtelehealth để tiếp nhận, tư vấn, KCB từ xa; triển khai hoạt động tư vấn sức khỏe cho người dân thông qua “Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa”; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, ứng dụng thực hiện khám, bệnh chữa bệnh từ xa, tư vấn từ xa.

Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử như triển khai khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, liên thông dữ liệu lên hệ thống giám định bảo hiểm y tế; đồng bộ hóa dữ liệu căn cước công dân; kết quả khám chữa bệnh tự động cập nhật vào phần mềm hồ sơ sức khỏe cá nhân. Tỷ lệ người dân được tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

### 4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a. Yêu cầu tiêu chí:

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b. Kết quả thực hiện

Ủy ban nhân dân xã đã cung cấp, sử dụng dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính thông qua việc cài đặt, cấu hình thông tin tài khoản người tiếp nhận, người ký bản sao chứng thực điện tử và cấu hình chữ ký, con dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; có phát sinh hồ sơ trên hệ thống quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia<sup>(4)</sup>; tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã theo Quyết định số

---

<sup>(4)</sup> Năm 2023 phát sinh 38/647 hồ sơ giao dịch về chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt 5,9%. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/5/2024 phát sinh 16/16 hồ sơ giao dịch về chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt 100%.

766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ<sup>(5)</sup>. 100% hồ sơ được tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và được cập nhật, xử lý thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và không có hồ sơ không được tiếp nhận cập nhật thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại thời điểm xét công nhận.

Năm 2023 hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4, một phần và toàn trình trên tổng số hồ sơ là 150/994, đạt 15,1%. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/5/2024 có 89/110, đạt 81%.

Ủy ban nhân dân xã đã công khai 100% TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định trên trang thông tin điện tử của xã <https://iadom.iahdrai.kontum.gov.vn/>; 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định; tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính; chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên<sup>(6)</sup>; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao<sup>(7)</sup>.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu tiêu chí:

Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

<sup>(5)</sup> Năm 2023, số hoá 808/994 hồ sơ, đạt 81%. Từ ngày 01/01/2024 đến 31/5/2024, số hoá 110/110 hồ sơ, đạt 100%;

<sup>(6)</sup> Năm 2023, xã Ia Dom đạt 18/18 điểm; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị đạt 100%; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận giải quyết TTHC đạt 100%; đến ngày 31/5/2024, xã Ia Dom đạt 18/18 điểm; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị đạt 100%; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận giải quyết TTHC đạt 100%.

<sup>(7)</sup> Năm 2023, xã Ia Dom đạt 18/18 điểm; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị đạt 100%; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận giải quyết TTHC đạt 100%. Đến ngày 31/5/2024, xã Ia Dom đạt 18/18 điểm; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị đạt 100%; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận giải quyết TTHC đạt 100%.

Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công  $\geq 90\%$ .

Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu  $\geq 90\%$ .

#### b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã hiện có 05 mô hình (Mô hình Hòa giải 5 tốt tại thôn, mô hình huy động người có uy tín trong cộng đồng dân cư tham gia thực phổ biến giáo dục pháp Luật) được công nhận mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

Năm 2024, trên địa bàn không có vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải.

Địa bàn xã có 100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

##### a. Yêu cầu tiêu chí

Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt tỷ lệ  $\geq 80\%$ .

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 30\%$ .

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ .

Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$ .

Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 75\%$ .

Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 5\%$ .

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt  $\geq 4m^2$ /người.

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt tỷ lệ  $\geq 50\%$ .

## b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản.

Địa bàn xã có 40 cơ sở (trong đó có 01 cơ sở sản xuất kinh doanh có hồ sơ về bảo vệ môi trường; 39 hộ buôn bán tạp hóa, kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường). Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Ia Dom  $40/40$  cơ sở  $\times 100\% = 100\%$ . Trên địa bàn xã chưa có làng nghề được công nhận.

Số hộ dân đăng ký thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn 673 hộ; khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được thu gom, xử lý 543,77 kg/600,71/ngày, đạt tỷ lệ 91%.

Số hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả trên địa bàn xã là 277 hộ/673 hộ, đạt tỷ lệ 41,16%.

Số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn xã là 611 hộ/673 hộ, đạt tỷ lệ 90,7%.

Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn xã được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các nhu cầu về bảo vệ môi trường là 57,29kg/57,29 kg/năm, đạt tỷ lệ 100%.

Khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường là 202,2kg/251kg/ngày, đạt tỷ lệ 87,7%.

Địa bàn xã có 87/114 cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 76%.

Trên địa bàn xã có quy hoạch và quy chế hoạt động nghĩa trang, nghĩa trang trên địa bàn xã đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

Ủy ban nhân dân xã Ia Dom triển khai các quy định mai táng, hỏa táng trên địa bàn xã; lồng ghép vào các buổi sinh hoạt thôn, các cuộc họp phổ biến... để nhân dân trên địa bàn xã biết, thực hiện.

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã đạt 7m<sup>2</sup>/người.

Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế xử lý theo quy định là 1.473kg/1564 kg/năm, đạt tỷ lệ 94,18%.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

### 4.18. Tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống

#### a. Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 35\%$ .

Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt  $\geq 40$  lít.

Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 20\%$ .

Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%.

Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm 100%.

Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch  $\geq 80\%$ .

Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%.

#### b. Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn huyện xã có công trình nước sinh hoạt tập trung để cung cấp nước sinh hoạt cho các địa bàn tại Thôn 1 và Thôn 2; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt ước đạt 41,29%.

Các hệ thống cấp nước sinh hoạt đạt trên địa bàn xã cung cấp 100 lít bình quân đầu người/ngày đêm.

Công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn xã do Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

Hàng năm Ủy ban nhân dân xã đều phối hợp cấp trên tổ chức lớp tập huấn về an toàn thực phẩm; các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đều được tập huấn về an toàn thực phẩm. đạt tỷ lệ 100%.

Thời gian qua, trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

Địa bàn xã có 02/02 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm (Cơ sở sơ chế chuối già Nam Mỹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duy Tân và Cơ sở chế biến sản phẩm từ nhung hươu của Hợp tác xã Đồng Tiến), đạt tỷ lệ 100%.

Số hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là 632/673 hộ, đạt tỷ lệ 93,9%.

Hiện nay, trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Hoạt động thu, gom rác thải sinh hoạt tại địa bàn Thôn 1, Thôn 2 và thôn Ia Muong do Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị thực hiện thu gom, vận chuyển đến bãi rác thải của huyện; các thôn còn lại người dân tự thu gom, đào hố, chôn lấp đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh



a. Yêu cầu tiêu chí:

Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân.

Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b. Kết quả thực hiện

Ban Chỉ huy quân sự xã đã và đang làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh; từng bước nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao, sẵn sàng chiến đấu; tích cực tham gia các hoạt động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, chung sức xây dựng nông thôn mới. Qua đó đã củng cố, xây dựng thế trận phòng thủ xã ngày càng vững chắc, phát huy vai trò đầu tàu gương mẫu.

Đảng ủy xã đã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch về đảm bảo an ninh, trật tự địa bàn xã năm 2024; Công an xã đã ban hành kế hoạch về phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trên địa bàn xã. Trong năm 2024, địa bàn xã không xảy ra các hoạt động tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư 124/2021/TT-BCA, ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; số vụ phạm tội về trật tự xã hội tại địa bàn xã Ia Dom giảm 80% so với năm 2023 (năm 2023: xảy ra 10 vụ, từ đầu năm 2024 đến thời điểm thẩm tra: xảy ra 02 vụ); tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước, Địa bàn xã không thuộc địa bàn xã phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công an về ban hành Tiêu chí xác định địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội. Năm 2024 tập thể Công an xã Ia Dom đạt xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Năm 2024, địa bàn xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an. Xã đã thành lập các mô hình sau: Mô hình “Tổ an ninh nhân dân”; Mô hình “Tổ dân phòng”; Mô hình “Tổ hòa giải” gồm; Mô hình “Công an xã Ia Dom và Ngân hàng chính sách huyện Ia H’Drai đồng hành cùng người tái hòa nhập cộng đồng trong xây dựng cuộc sống mới”; Mô hình “Camera an ninh thôn bản”. Các mô hình này được duy trì hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

**5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:** Tính đến nay, xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

## **6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Xây dựng chương trình, kế hoạch thật cụ thể, chi tiết, lựa chọn bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện cụ thể ở thôn để triển khai tổ chức thực hiện.

Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch, chú trọng quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, thúc đẩy các mô hình sản xuất.

Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ và xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn; xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào địa bàn và tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, nhân lực để các nhà đầu tư triển khai dự án nhanh, thuận lợi nhất;

Xây dựng và ban hành nghị quyết của Đảng ủy về nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; có cơ chế, chính sách của xã hỗ trợ cho thực hiện chương trình;

Thành viên Ban chỉ đạo cần bám sát kế hoạch công tác, nội dung được phân công theo dõi chỉ đạo các thôn, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Thường xuyên chỉ đạo, nắm chắc tiến độ, kết quả triển khai trên địa bàn các thôn, tổng hợp báo cáo Trưởng BCD định kỳ để từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới tới cấp ủy, chính quyền và người dân; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở đủ mạnh để tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới; đa dạng hóa nguồn lực, tạo cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất; tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo của Cấp ủy Đảng và Chính quyền từ xã đến thôn, coi việc xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ 2020 - 2025.

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Đảm bảo theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Ia Dom đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:** xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

## **III. KIẾN NGHỊ**

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận xã Ia Dom đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 874/BC-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024, của Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Liên đoàn Lao động huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- Hội Cựu chiến binh huyện;
- Hội Liên hiệp phụ nữ huyện;
- Huyện Đoàn;
- Các thành viên BCD các CT MTQG huyện;
- Các Thành viên VPĐP NTM huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT.
- Lưu: VT-LT.

**Bùi Văn Nhàn**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN  
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024  
đối với xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm của UBND huyện Ia H'Drai)*

| <b>TT</b>   | <b>Tên tiêu chí</b> | <b>Nội dung tiêu chí</b>   | <b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b>  | <b>Kết quả tự đánh giá của xã</b> | <b>Kết quả thẩm tra của huyện</b> |                              |
|---|---------------------|--|--|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| 1   | Quy hoạch           | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch   | Đạt  | Đạt                               | Đạt                               |                              |
|   |                     | 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch   | Đạt  | Đạt                               | Đạt                               |                              |
|   |                     | 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên | Đạt  | Đạt                               | Đạt                               |                              |
| 2   | Giao thông          | 2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định                                | 50%  | 50%                               | 50%                               |                              |
|   |                     | 2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp   | Được cứng hóa và bảo trì hàng năm  | 100%                              | 100%                              | 100%                         |
|   |                     |  | Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 50%                               | Cây xanh 65%; chiếu sáng 61%      | Cây xanh 65%; chiếu sáng 61% |
| 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | ≥85%                | cứng hóa 100%; cây xanh:   | cứng hóa 100%; cây xanh:   |                                   |                                   |                              |

| TT | Tên tiêu chí                       | Nội dung tiêu chí  | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|----|------------------------------------|--|----------------------|----------------------------|----------------------------|
|    |                                    |  |                      | 86,8%; chiếu sáng 87,9%    | 86,8%; chiếu sáng 87,9%    |
|    |                                    | 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa   | 80%                  | 94,57%                     | 94,57%                     |
| 3  | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  | ≥90%                 | 94,8%                      | 94,8%                      |
|    |                                    | 3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả  | ≥1                   | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                                    | 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  | 20%                  | 44,44%                     | 44,44%                     |
|    |                                    | 3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm  | 100%                 | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                                    | 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                                    | 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ  | Khá                  | Đạt                        | Đạt                        |
| 4  | Điện                               | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định   | ≥98%                 | 100%                       | 100%                       |
| 5  | Giáo dục                           | 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt | 100%                 | 100%                       | 100%                       |

| TT | Tên tiêu chí         | Nội dung tiêu chí  | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|----|----------------------|--|----------------------|----------------------------|----------------------------|
|    |                      | tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2   |                      |                            |                            |
|    |                      | 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                      | 5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS  | Mức độ 3             | Mức độ 3                   | Mức độ 3                   |
|    |                      | 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ  | Mức độ 2             | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                      | 5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại  | Khá                  | Khá                        | Khá                        |
|    |                      | 5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
| 6  | Văn hóa              | 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                      | 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                      | 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới   | 100%                 | 100%                       | 100%                       |
| 7  | Cơ sở hạ tầng thương | Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |

| TT | Tên tiêu chí              | Nội dung tiêu chí   | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|----|---------------------------|---|----------------------|----------------------------|----------------------------|
|    | mại nông thôn             |   |                      |                            |                            |
| 8  | Thông tin và Truyền thông | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân                                       | Đạt                  | 100%                       | 100%                       |
|    |                           | 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh   | ≥80%                 | 80%                        | 80%                        |
|    |                           | 8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông  | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                           | 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội                    | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                           | 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) | ≥1 địa điểm          | 1                          | 1                          |
| 9  | Nhà ở dân cư              | Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  | 85%                  | 88,41%                     | 88,41%                     |
| 10 | Thu nhập                  | Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 ( <i>triệu đồng/người</i> )   | ≥60                  | 61,75                      | 61,75                      |
| 11 | Nghèo đa chiều            | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025  | ≤5 %                 | 4,97%                      | 4,9%                       |
| 12 | Lao động                  | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)   | ≥75%                 | 91,53%                     | 92,05%                     |

| TT | Tên tiêu chí                                     | Nội dung tiêu chí   | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|----|--|---|----------------------|----------------------------|----------------------------|
|    |  | 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  | $\geq 25\%$          | 29,82%                     | 29,86%                     |
| 13 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  | $\geq 1$             | Đạt                        | Đạt                        |
|    |  | 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  | $\geq 1$ sản phẩm    | 6                          | 6                          |
|    |  | 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm | $\geq 1$             | 1                          | 1                          |
|    |  | 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã  | $\geq 1$             | 6                          | 6                          |
|    |  | 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  | $\geq 10\%$          | 30%                        | 30%                        |
|    |  | 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng   | $\geq 1$             | 3                          | 3                          |
|    |  | 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội  | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |  | 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)  | $\geq 1$             | 5                          | 1                          |
| 14 | Y tế   | 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)   | $\geq 95\%$          | 100%                       | 100%                       |



| TT | Tên tiêu chí       | Nội dung tiêu chí  | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|----|--------------------|--|----------------------|----------------------------|----------------------------|
|    |                    | 14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                    | 14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xã   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                    | 14.4. Xã triển khai tốt số khám chữa bệnh điện tử  | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
| 15 | Hành chính công    | 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                    | 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến 1 phần  | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                    | 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp                                | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
| 16 | Tiếp cận pháp luật | 16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở                               | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |                    | 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công.  | ≥90%                 | 92%                        | 100%                       |
|    |                    | 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu                            | ≥90%                 | 100%                       | 100%                       |
| 17 | Môi trường         | 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí   | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|----|--------------|---|----------------------|----------------------------|----------------------------|
|    |              | 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường   | 100%                 | 100%                       | 100%                       |
|    |              | 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định  | ≥80%                 | 100%                       | 91%                        |
|    |              | 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả   | ≥30%                 | 41,16%                     | 41,16%                     |
|    |              | 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn   | ≥50%                 | 90,71%                     | 90,7%                      |
|    |              | 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường                                      | 100%                 | 100%                       | 100%                       |
|    |              | 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường | ≥80%                 | 87,71                      | 87,7                       |
|    |              | 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường   | ≥75%                 | 76%                        | 76%                        |
|    |              | 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |              | 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng   | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |
|    |              | 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn   | Đạt                  | 7                          | 7                          |

| <b>TT</b> | <b>Tên tiêu chí</b>        | <b>Nội dung tiêu chí</b>  | <b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b> | <b>Kết quả tự đánh giá của xã</b> | <b>Kết quả thẩm tra của huyện</b> |
|-----------|----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
|           |                            | 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định          | ≥50%                        | 94,18%                            | 94,18%                            |
| 18        | Chất lượng môi trường sống | 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung                                 | ≥35%                        | 41,29                             | 41,29                             |
|           |                            | 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm   | ≥40 lít                     | 99,77                             | 100                               |
|           |                            | 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững                          | ≥20%                        | 20%                               | 100%                              |
|           |                            | 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm | 100%                        | 100%                              | 100%                              |
|           |                            | 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã                          | Không                       | Không                             | Không                             |
|           |                            | 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm                 | 100%                        | 100%                              | 100%                              |
|           |                            | 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch             | ≥80%                        | 93,9%                             | 93,9%                             |
|           |                            | 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường                            | 100%                        | 100%                              | 100%                              |
| 19        | Quốc phòng và              | 19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân                                | Đạt                         | Đạt                               | Đạt                               |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí   | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Kết quả tự đánh giá của xã | Kết quả thẩm tra của huyện |
|----|--------------|---|----------------------|----------------------------|----------------------------|
|    | An ninh      | 19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt                  | Đạt                        | Đạt                        |